

TÌM HIỂU CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA NHÀ NƯỚC NHẬT BẢN

PHẠM HỒNG THÁI^(*)

Nguyên tắc tự do tôn giáo và tôn giáo tách biệt khỏi nhà nước (còn gọi là nguyên tắc chính giáo phân li) đã được áp dụng trong các chính sách tôn giáo của Nhà nước Nhật Bản ngay sau khi kết thúc Chiến tranh Thế giới II. Hơn nửa thế kỉ qua, xã hội Nhật Bản đã đạt được những bước phát triển vượt bậc không chỉ trong lĩnh vực kinh tế, mà cả trong lĩnh vực văn hoá, chính trị, đặc biệt là trong lĩnh vực dân chủ hoá đời sống xã hội. Vậy chính sách tôn giáo của Chính phủ Nhật Bản có những biến đổi như thế nào? Bài viết này nhằm góp phần hiểu rõ thêm vấn đề trên thông qua nghiên cứu quá trình sửa đổi, bổ sung chính sách tôn giáo của Nhà nước Nhật Bản từ 1945 đến nay.

Có thể nói toàn bộ đời sống tôn giáo ở Nhật Bản ngày nay vẫn tiếp tục chịu ảnh hưởng to lớn của các văn bản được soạn thảo ra dưới thời kì Nhật Bản chịu sự chiếm đóng của lực lượng quân Đồng minh (thực chất là quân đội Mỹ) từ 1945 đến 1951. Những văn bản này có nghĩa vô cùng quan trọng vì chính trong phạm vi của chúng mà đời sống tôn giáo Nhật Bản, nhất là quyền tự do tôn giáo ở Nhật Bản sau chiến tranh, được thừa nhận. Trước đó, mặc dù tự do tôn giáo đã được đề cập đến ngay trong Hiến pháp Minh Trị song thực tế chỉ có *Thần đạo Đền*, đặc biệt là *Thần đạo Quốc gia*⁽¹⁾ được tạo điều kiện nâng đỡ để trở thành tôn giáo nhà nước, nhằm phục vụ lợi ích của chính quyền quân phiệt, còn các tôn giáo khác

chỉ được hưởng một thứ tự do rất hạn chế. Chính vì vậy, ngay trong sắc lệnh đầu tiên về tôn giáo của lực lượng chiếm đóng được công bố vào ngày 15 tháng 12 năm 1945, có tiêu đề là "*Cấm hỗ trợ, ủng hộ, duy trì, điều hành và phổ biến Thần đạo Quốc gia*" (thường gọi là *Chỉ thị về Thần đạo*) ba nguyên tắc chung về quản lí tôn giáo đã được đưa ra. Đó là: 1, *Tự do tôn giáo*. 2, *Triệt để phân li giữa tôn giáo và nhà nước*. 3, *Triệt bỏ tư tưởng chủ nghĩa quân phiệt và tư tưởng dân tộc chủ nghĩa cực đoan*. Cùng thời gian này quân chiếm đóng còn ban hành *Chỉ thị về nhân quyền*, trong đó tuyên bố huỷ bỏ những quy định của chính quyền trước đây hạn chế tự do chính trị, tự do dân sự và tự do tôn giáo. Nhằm tạo căn cứ hợp pháp cho hoạt động của các tổ chức tôn giáo và cụ thể hoá phương châm tự do tôn giáo và "*Chính giáo phân li*" trong *Chỉ thị về Thần đạo*, ngày 28 tháng 12 năm 1945 quân chiếm đóng cho công bố *Sắc lệnh pháp nhân tôn giáo* (Shùkio Hòjin rei) thay cho *Luật đoàn thể tôn giáo* (Shùkyô

*. ThS., Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản.

1. *Thần đạo Quốc gia* là một loại hình Thần đạo tồn tại trước 1945 ở Nhật Bản do Nhà nước dựng lên trên cơ sở kết hợp những yếu tố của Thần đạo Hoàng tộc và các nguyên lí nhằm tôn vinh địa vị thiêng liêng của Thiên hoàng, của Nhà nước và của dân tộc Nhật Bản. Trong chiến tranh thế giới II, *Thần đạo Quốc gia* đã góp phần quan trọng vào việc hình thành nhà nước quân phiệt và phát xít ở Nhật Bản trên cơ sở cổ vũ, nuôi dưỡng tinh thần dân tộc cực đoan. Chính vì vậy ngay sau khi phát xít Nhật bại trận, lực lượng Đồng minh đã tuyên bố bãi bỏ *Thần đạo Quốc gia*.

dantai hò) - một bộ luật tôn giáo được ban hành từ năm 1939. Dường như *Sắc lệnh pháp nhân tôn giáo* mang tính tình thế nên không đủ chặt chẽ. Nó chỉ đơn giản là một số quy tắc, theo đó, một đoàn thể tôn giáo nào đó muốn được chính quyền công nhận thì phải tuân theo. Việc làm của các đoàn thể tôn giáo chỉ đơn giản là điền vào một tờ đơn và nộp cho cơ quan có thẩm quyền của nhà nước để công bố về sự hoạt động của mình mà không cần đợi sự công nhận trở lại của chính quyền. *Sắc lệnh* này không có điều khoản nào cho phép nhà nước có quyền quản lý các tổ chức tôn giáo cũng như quyền can thiệp vào nghi lễ, giáo lý và các vấn đề bên trong của nó. Trong điều kiện quản lý "tự do" như vậy các tổ chức tôn giáo mới đã xuất hiện ồ ạt. Trước 1945 ở Nhật Bản chỉ có 43 tổ chức tôn giáo được nhà nước chính thức thừa nhận, trong đó có 13 tổ chức Thần đạo, 20 tổ chức Phật giáo, 2 tổ chức Kitô giáo. Vậy mà sau khi *Sắc lệnh pháp nhân tôn giáo* được ban hành thì các nhóm độc lập mới tách ra từ các tổ chức tôn giáo cũ và các tổ chức tôn giáo mới đăng ký hoạt động tăng nhanh đến mức cuối năm 1949 số các giáo phái lên đến 430. Số các đền, chùa, nhà thờ tách ra khỏi tổ chức mẹ để trở thành các tổ chức tôn giáo độc lập lên đến 1546.

Dưới tác động của những chính sách tôn giáo do lực lượng chiếm đóng ban hành, thể chế tôn giáo Nhật Bản đã nhanh chóng thay đổi về căn bản. Tiếp nhận *Sắc lệnh về Thần đạo* của quân chiếm đóng, Chính phủ Nhật Bản đã bãi bỏ *Thần đạo Quốc gia*, theo đó, *Thần Kỳ Viện*⁽²⁾ và các cơ cấu có liên quan trước đó đều bị giải thể. Để tạo điều kiện cho việc bãi bỏ hệ thống *Thần đạo Quốc gia* được thuận lợi, ngày 2 tháng 2 năm 1946 *Sắc*

lệnh pháp nhân tôn giáo được cải chính cho phép các đền Thần đạo được đăng ký hoạt động với tư cách các tổ chức tôn giáo. Ngày 14/2/1946 phần lớn các ngôi đền thuộc hệ thống *Thần đạo Quốc gia* trước đây, đăng ký hoạt động trở lại trong một tổ chức tôn giáo mới với tên gọi là *Hiệp hội các đền Thần đạo* (Jinja Honchō), đây là một trong số các đoàn thể tôn giáo lớn ở Nhật Bản hiện nay.

Ngày 15/10/1945 *Cục giáo học* (Kyōgaku kyoku - một cơ quan chính phủ trước đây có chức năng quản lý các đoàn thể tôn giáo ngoài hệ thống các đền Thần đạo) nằm trong Bộ Giáo dục đã bị bãi bỏ và *Khoa tôn giáo* (Shūkyō ka) nằm trong cục này được chuyển sang *Cục giáo dục xã hội* mới được thành lập và được đặt lại tên là *Tông vụ khoa* (Shūmu ka). Nhiệm vụ của *Tông vụ khoa* là bảo vệ và khuyến khích tự do tôn giáo, trợ giúp việc tái lập lại các ngôi đền, chùa và nhà thờ bị tàn phá trong chiến tranh. *Tông vụ khoa* từng bị các nhà chức trách quân chiếm đóng định xóa bỏ do e ngại việc Chính phủ Nhật Bản lại nắm lấy nó để can thiệp vào tôn giáo. Tuy nhiên sau những cân nhắc họ đã quyết định tiếp tục duy trì khoa này và xác định phạm vi quyền tư pháp của nó vào tháng 5 năm 1949. Từ đó *Tông vụ khoa* có nhiệm vụ thu thập và xử lý các thông tin về tôn giáo, hoạt động như một văn phòng liên lạc của các đoàn thể tôn giáo, giữ các công việc giấy tờ liên quan đến các sắc lệnh có đề cập tới các tổ chức tôn giáo. Khoa này tiếp tục tồn tại đến nay với tư cách là văn phòng các vấn đề về văn hoá trong *Bộ Văn hoá và Giáo*

2. *Thần Kỳ Viện* là một cơ quan nằm trong Bộ Nội vụ của chính quyền Nhật Bản trước chiến tranh có nhiệm vụ quản lý và điều hành hoạt động của các đền Thần đạo, nhằm phục vụ lợi ích của chính quyền quân phiệt.

dục Nhật Bản (Monbusho).

Mặc dù nguyên tắc chính giáo phân li và tự do tôn giáo đã được tuyên bố từ *Chỉ thị về Thần đạo*, *Sắc lệnh pháp nhân tôn giáo*, song phải đến *Hiến pháp Nhật Bản* được công bố ngày 3/11/1946 và có hiệu lực ngày 3/5/1947 thì những nguyên tắc cơ bản của hệ thống tôn giáo Nhật Bản sau chiến tranh mới được xác định. Chúng ta có thể thấy rõ việc này qua Điều 20 của Hiến pháp: "*Quyền tự do được đảm bảo cho tất cả mọi người. Không một đoàn thể tôn giáo nào được nhận đặc quyền của nhà nước, cũng như sử dụng quyền lực chính trị.*"

Không một ai bị cưỡng bức tham gia bất kì một hành vi, một nghi lễ hay một hoạt động tôn giáo nào.

Nhà nước và các tổ chức nhà nước không được phép giáo dục tôn giáo và các hoạt động có tính chất tôn giáo".

Tính chất phân li giữa tôn giáo và nhà nước còn được thể hiện rõ trong Điều 89 của Hiến pháp: "*Không một khoản tiền công hay tài sản công nào được phép sử dụng, chi trả cho việc tiêu dùng, cho phúc lợi hay cho việc duy trì các tổ chức, đoàn thể tôn giáo".*

Tinh thần "*Chính giáo phân li*" và tự do tôn giáo của hiến pháp này đã được thể hiện cụ thể trong *Luật pháp nhân tôn giáo* (Shùkyò hòjin hò) có hiệu lực từ ngày 3/4/1951. Sự ra đời của luật này có hai nguyên nhân trực tiếp. Trước hết, do *Sắc lệnh pháp nhân tôn giáo* là một văn bản pháp quy quá lỏng lẻo đã dẫn tới việc ra đời hàng loạt các tôn giáo mới, nhiều tổ chức xuất hiện rồi sau đó nhanh chóng lụi tàn, trong đó không ít tổ chức hoạt động mang tính vụ lợi, lừa đảo. Thực trạng này khiến Chính phủ Nhật Bản không thể không

quan tâm. Ngay cả các nhà chức trách quân chiếm đóng cũng tự thấy rằng *Sắc lệnh pháp nhân tôn giáo* đã không có những hạn chế đầy đủ, cần thiết để đảm bảo trật tự đời sống tôn giáo hiện thời. Lí do thứ hai đòi hỏi sự cần thiết của một luật mới là vì yêu cầu khắc phục những bất bình thường của tình trạng bị chiếm đóng và đòi hỏi tất yếu của thực tiễn mới. Sau khi Nhật Bản đầu hàng quân Đồng minh thì quyền lực nhà nước thực sự chuyển từ tay Chính phủ Nhật Bản sang lực lượng chiếm đóng. Do vậy mà suốt thời kì chiếm đóng các văn bản pháp quy về quản lí tôn giáo ở Nhật Bản đều do những người đứng đầu lực lượng chiếm đóng thảo ra. Họ đã ban hành *Chỉ thị về Thần đạo*, bãi bỏ *Luật đoàn thể tôn giáo* và thay vào đó là *Sắc lệnh pháp nhân tôn giáo*. Tuy nhiên, *Sắc lệnh pháp nhân tôn giáo* quá lỏng lẻo như chúng ta đã thấy ở trên, lại không có điều luật chính thức nào đứng đằng sau nó nên sắc lệnh này cũng trở lên vô hiệu lực và đứng ngoài luật Nhật Bản. Hiệp định Hoà bình Sanfrancisco được kí kết năm 1951 đem lại nền độc lập cho Nhật Bản. Tình trạng luật pháp đó không còn phù hợp trong giai đoạn mới. Chính vì vậy, ngày 3 tháng 4 năm 1951 *Sắc lệnh pháp nhân tôn giáo* được đặt sang một bên nhường chỗ cho *Luật pháp nhân tôn giáo* ra đời.

Luật pháp nhân tôn giáo (Shùkyò hòjin hò) lấy đối tượng điều chỉnh là *đoàn thể tôn giáo*⁽³⁾ và dựa trên nguyên tắc tự

3. *Đoàn thể tôn giáo* với tư cách là đối tượng điều chỉnh của *Luật pháp nhân tôn giáo*, được định nghĩa tại Điều 2, Chương I của luật này như sau: "Đoàn thể tôn giáo là:

1. Các đền, chùa, nhà thờ, tu viện và các đoàn thể tương tự khác có chức năng làm cơ sở lễ bái;

2. Các giáo phái, tông phái, giáo đoàn, giáo hội, hội tu đạo và các đoàn thể tương tự khác có mục đích chủ yếu là quảng bá giáo lí, thực hành lễ nghi và giáo dục, giáo hoá các tín đồ".

do tôn giáo, phân li tôn giáo với nhà nước (còn gọi là *chính giáo phân li*), tôn trọng tính đơn nhất và độc lập của các đoàn thể đó. Mục đích của nó là đem lại cho các đoàn thể tôn giáo tư cách hợp pháp không chỉ để sở hữu, duy trì những phương tiện tín ngưỡng và các tài sản khác mà còn được tham gia hoạt động như các tổ chức kinh doanh nhằm duy trì những mục tiêu của chúng. Điều đáng chú ý là luật này còn không cho phép các nhân viên nhà nước có quyền yêu cầu thông tin về giáo huấn, nghi lễ, hay bất kể vấn đề gì thuộc phạm vi tôn giáo hay can dự vào những vấn đề này.

Luật pháp nhân tôn giáo không ép buộc các tổ chức tôn giáo phải trở thành một đoàn thể tôn giáo. Theo luật này, bất kì nhóm tôn giáo nào, bất kể nó có chọn cách để đạt được địa vị đoàn thể tôn giáo hay không, đều được tự do tiến hành những hoạt động tôn giáo của mình. Tuy nhiên nếu muốn có được địa vị đoàn thể tôn giáo và có được điều kiện chiếm hữu tài sản của mình một cách thuận lợi và được hưởng sự miễn thuế nào đó, một tổ chức tôn giáo cần phải đáp ứng đòi hỏi của *Luật pháp nhân tôn giáo*. Một nhóm tôn giáo muốn được công nhận địa vị đoàn thể tôn giáo cần phải nộp cho cơ quan có thẩm quyền những tài liệu đặc biệt hợp pháp nhất định. Những thông tin này bao gồm những mục đích, tên, địa chỉ, các văn phòng của tổ chức và thời hạn hoạt động của chúng, những cơ sở kinh doanh và bản kê tài sản mà nó đang sở hữu. Có được sự chứng thực của chính quyền về những thông tin này, tổ chức đứng đơn có thể được công nhận là một đoàn thể tôn giáo. Những thay đổi sau này về những thông tin đã đệ nộp, bao

gồm sự liên kết hay giải thể tổ chức, cần phải thông báo cho nhà cầm quyền và phải được chính quyền xác nhận. Tổ chức tôn giáo phải cử ra những nhân viên đại diện hợp pháp tạo thành một ban có trách nhiệm quyết định cao nhất của đoàn thể tôn giáo. Chỉ có những quyết định được ban này đưa ra mới được thừa nhận là ý kiến của đoàn thể tôn giáo đó. Luật này đòi hỏi mỗi tổ chức tôn giáo cần phải có ít nhất 3 nhân viên đại diện hợp pháp. Một người trong số này được bầu ra với tư cách là đại diện của tổ chức trên mọi vấn đề và chủ trì mọi hoạt động của tổ chức. Các tổ chức tôn giáo có tư cách đoàn thể dưới hiệu lực của *Sắc lệnh pháp nhân tôn giáo* cũ được phép trong vòng 18 tháng kể từ ngày công bố *Luật pháp nhân tôn giáo* (3/4/1951) đệ đơn để được trở thành đoàn thể tôn giáo trong phạm vi của luật mới. Những tổ chức không làm như vậy trong thời gian quy định trên sẽ không được thừa nhận tư cách đoàn thể tôn giáo. Số các đoàn thể đệ đơn và được công nhận tư cách pháp nhân tôn giáo theo luật 1951 lên tới 370. Các đền, chùa, nhà thờ địa phương xin có địa vị hợp pháp cũng bị đòi hỏi phải có những thay đổi về tổ chức. Một số trường hợp không đệ đơn hoặc không đủ điều kiện thì không được công nhận tư cách pháp nhân.

Hệ thống các văn bản pháp quy về tôn giáo được thảo ra dưới chính quyền chiếm đóng và *Luật pháp nhân tôn giáo* công bố năm 1951 đã đóng vai trò rất quan trọng trong việc cải cách, cấu trúc lại một cách căn bản toàn bộ đời sống tôn giáo Nhật Bản sau chiến tranh. Nguyên tắc "*Tế chính nhất trí*" (tôn giáo và nhà nước là thống nhất), cùng với vị trí đặc biệt của *Thần đạo Quốc gia* với tư cách tôn giáo

nhà nước bị bãi bỏ. Thay vào đó là nguyên tắc "*Chính giáo phân li*" và tự do tôn giáo được hoàn toàn xác lập. Tất nhiên, sự tự do này không phải là tuyệt đối, và sự phân li cũng không phải là không có giới hạn. Mặc dù vậy, thực tế diễn biến của đời sống tôn giáo Nhật Bản đã chứng minh những văn bản đó còn nhiều bất cập và nó không ngừng được sửa đổi, bổ sung vào các năm sau đó. Đặc biệt là sau sự kiện giáo phái Chân lí AUM khủng bố trong hệ thống đường tàu điện ngầm ở Tokyo năm 1995 bằng chất độc sarin gây chết người hàng loạt, khuynh hướng đòi tiếp tục sửa đổi *Luật pháp nhân tôn giáo* từng xuất hiện trước đó lại càng dấy lên mạnh mẽ. Tháng 12 năm 1995, Hạ nghị viện Nhật Bản đã thông qua một đạo luật cải cách tạo điều kiện cho chính phủ có quyền giám sát và điều tiết các tổ chức tôn giáo nhiều hơn. Theo điều luật này, có bốn điểm đổi mới căn bản so với trước đây:

1, Quyền tư pháp đối với các tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động từ 2 tỉnh trở lên sẽ được chuyển từ nhà cầm quyền tỉnh, nơi mà tôn giáo đó lần đầu tiên đăng kí hoạt động sang *Bộ Văn hoá và Giáo dục* (Monbusho).

2, Mỗi đoàn thể tôn giáo hàng năm phải nộp cho nhà chức trách báo cáo giải trình về nguồn tài chính và các nhân viên chính của nó.

3, Các thành viên của đoàn thể tôn giáo và các tổ chức có liên quan đến nó được phép thanh tra những tài liệu đã được đệ lên nhà cầm quyền.

4, Nếu có việc tình nghi tới mức phải đình chỉ hoạt động của một tổ chức tôn giáo nào đó, hay nếu được Bộ Văn hoá và Giáo dục cho phép, nhà cầm quyền có

quyền yêu cầu đoàn thể tôn giáo đó phải báo cáo về hoạt động của mình và có quyền chất vấn các thủ lĩnh của tổ chức tôn giáo đó.

Rõ ràng đạo luật này đã tạo cho nhà nước có khả năng nhiều hơn trong việc giám sát hoạt động của các tổ chức tôn giáo, đụng chạm tới quyền lợi của các tổ chức này, do vậy nó đã gặp phải sự chống đối quyết liệt trước khi được Thượng nghị viện Nhật Bản thông qua năm 1996. Những người phản đối thì viện cớ điều luật đã vi phạm nguyên tắc tự do tôn giáo và ngờ rằng chính quyền có thể sẽ lợi dụng điều này để đàn áp các tổ chức tôn giáo một khi chúng phản đối các chính sách của mình. Còn những người ủng hộ thì muốn các văn bản pháp quy về tôn giáo cần phải tiếp tục có những sửa đổi nhiều hơn nữa cho phù hợp với thực tế đời sống tôn giáo và truyền thống văn hoá Nhật Bản.

Như vậy, nguyên tắc tự do tôn giáo và phân li tôn giáo với nhà nước trong các văn bản pháp quy về tôn giáo được soạn thảo trong thời gian Nhật Bản bị chiếm đóng có tác dụng tích cực trong việc đem lại tự do tôn giáo cho Nhật Bản ngay sau chiến tranh. Tuy nhiên, trong giai đoạn này sự vận dụng những nguyên tắc đó có khía cạnh cứng nhắc, đặc biệt là nhà nước có rất ít quyền hạn trong việc quản lí các tôn giáo. Sau khi giành lại được nền độc lập, Chính phủ Nhật Bản đã liên tiếp sửa chữa, bổ sung những nguyên tắc đó trước những đòi hỏi của thực tiễn xã hội. Một điều dễ nhận thấy qua những sửa đổi các văn bản pháp quy về tôn giáo của Nhật Bản trong những năm gần đây là càng ngày thực tiễn ở Nhật Bản càng đòi hỏi Nhà nước cần phải gia tăng quyền hạn trong quản lí tôn giáo./.